

Số: 66 /BC-NSVP

Phúc Yên, ngày 02 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
Năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500144719
- Vốn điều lệ: 109.630.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 130.061.595.593 đồng (Căn cứ theo mục Vốn chủ sở hữu tại Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty
- Địa chỉ: Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Số điện thoại: 02113.869.364
- Số fax: 02113.868.663
- Website: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NVP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc tiền thân là Xí nghiệp cấp nước Mê Linh thuộc Công ty cấp nước Vĩnh Phúc. Xí nghiệp cấp nước Mê Linh đổi thành Công ty cấp nước Mê Linh theo Quyết định số 2388/QĐ-UB ngày 15/11/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 07/09/1999, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cấp nước Mê Linh và đổi tên Công ty cấp nước Mê Linh thành Công ty cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc.

Ngày 24/03/2010, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số II Vĩnh Phúc.

Ngày 10/03/2011, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 10/03/2011 về việc chuyển đổi Công ty cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc thành Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc.

Từ ngày 24/03/2011, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 ngày 24/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 2, với số vốn điều lệ là 85.000.000.000 đồng.



Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 thay đổi lần thứ 6 ngày 24/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp.

Kể từ khi hoạt động Xí nghiệp cấp nước Mê Linh hoạt động chủ yếu trên địa bàn thị xã Phúc Yên và một vài khu vực thuộc huyện Mê Linh như Thanh Lâm, Thanh Tước. Hiện nay, khi mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã mở rộng địa bàn sang khu vực Cầu Xây, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và một vài khu vực lân cận như huyện Bình Xuyên bao gồm khu phố Kếu, khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

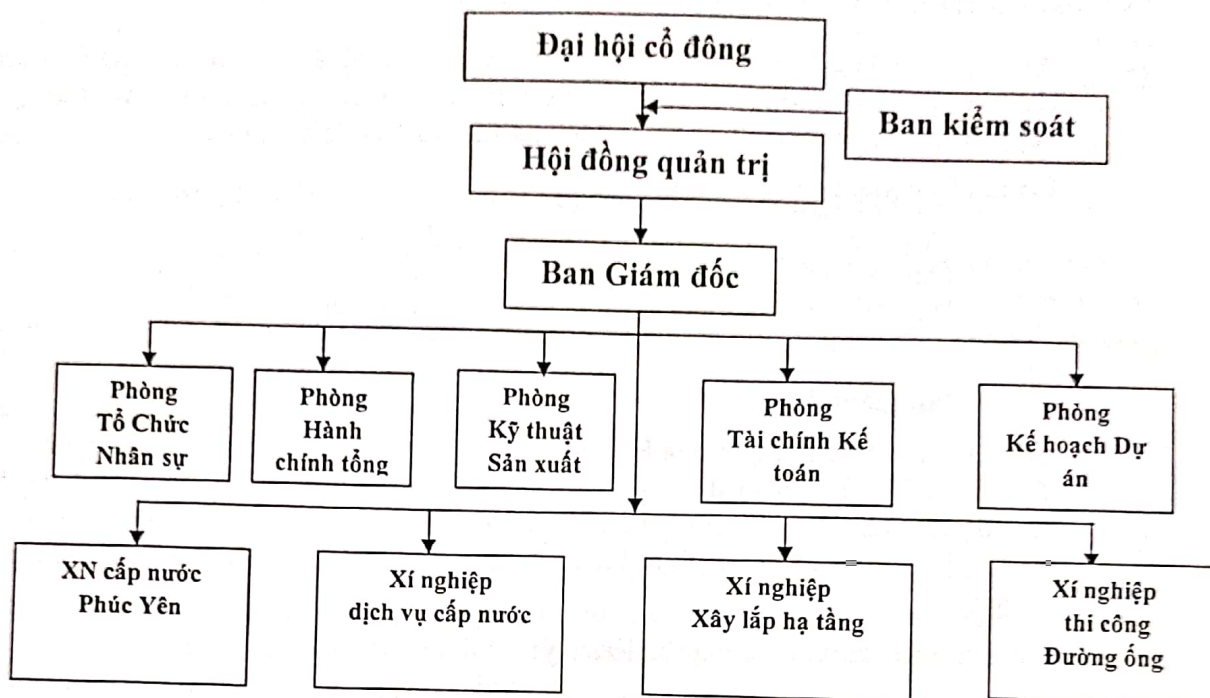
- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- + Sản xuất, kinh doanh nước sạch và nước tinh khiết;
- + Quản lý, xử lý nước thải đô thị;
- + Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- + Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước;
- + Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn;
- + Tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình cấp thoát nước;
- + Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước;
- + Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước;
- + Tư vấn, giám sát công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- + Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- + Cho thuê máy móc, thiết bị;
- + Thi công xây dựng công trình điện đến 35 KV.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và lắp đặt đường ống cấp nước sinh hoạt.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Phúc Yên; huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị:



b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; báo cáo của Ban Kiểm soát; báo cáo của Hội đồng quản trị; kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; mức cổ tức thanh toán hàng năm; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty...

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền nhiệm vụ sau đây: Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc; quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty...

Hiện nay, HĐQT của Công ty có 5 thành viên bao gồm 01 chủ tịch và 04 thành viên HĐQT, cơ cấu như sau:

Ông: Ngô Trường Giang
 Ông: Đinh Thế Kỳ
 Ông: Nguyễn Hồng Phú
 Ông: Bùi Tiến Dũng
 Bà: Ngô Thị Vinh

Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT

- Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có quyền đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý; và các quyền khác theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Cơ cấu Ban kiểm soát như sau:

Ông: Phạm Văn Tiến	Trưởng ban
Ông: Đỗ Đức Thịnh	Thành viên
Bà: Đặng Thị Hương	Thành viên

- Ban giám đốc

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua; thay mặt công ty ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo thông lệ quản lý tốt nhất; thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định tại điều lệ công ty.

Cơ cấu Ban giám đốc công ty hiện nay:

Ông: Ngô Trường Giang	Giám đốc
Ông: Đinh Thế Kỳ	Phó Giám đốc

c) Công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc	Thôn Bá Hương, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20.000	27,24

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sạch và các dịch vụ liên quan, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có, đầu tư và nâng cấp trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong cơ chế thị trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với các nhà đầu tư, nhân dân, chính quyền địa phương huy động nguồn vốn mở rộng mạng lưới cấp nước;

Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, từ đó tạo dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường...

Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo các tuyến ống cấp nước, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức bình quân dưới 15% trong năm 2020 và phấn đấu đến đạt mục tiêu của Chương trình quốc gia chống thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức dưới 10% vào năm 2025.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5. Các rủi ro:

a) Rủi ro về kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

b) Rủi ro về tăng trưởng:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế làm một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực nền kinh tế. Trong năm 2020 kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục được cải thiện và đã có những chuyển biến tích cực. Tỷ lệ lạm phát kiểm soát ở mức năm 2020 dưới 4%.

c) Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp 2014, Thuế doanh nghiệp do Nhà nước ban hành.

d) Rủi ro đặc thù:

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm vỡ đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo;

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công chịu sự kiểm soát của nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Đặc biệt, giá nước luôn được Nhà nước quan tâm, điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực liên quan trong phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem làm hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho các doanh nghiệp cấp nước.

Trong chiến lược phát triển ngành cấp nước đến 2025, Việt nam đang hướng tới xây dựng một thị trường cấp nước cạnh tranh hơn bằng cách xã hội hóa ngành cấp nước. Khi đó, tất yếu sẽ xảy ra sự cạnh tranh giữa những doanh nghiệp cấp nước về mức giá bán và chất lượng cung cấp. Tuy nhiên, việc xây dựng một thị trường như vậy là một quá trình lâu dài, có thể mất khoảng 15-20 năm theo lộ trình ngành cấp nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm chủ yếu thực hiện trong năm là sản xuất, cung cấp nước sạch.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh bám sát với thực tế, trong năm 2020, Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc đã quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, có nhiều sáng tạo, cải tiến trong kỹ thuật vận hành máy bơm, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp; từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Cụ thể, Công ty đã khai thác và xử lý đạt sản lượng nước sạch là: 9,079,056 m³ (tăng 0,6% so với năm 2019); sản lượng nước tiêu thụ đạt 7.807.014 m³ (tăng 0,04 % so với năm 2019), doanh thu sản xuất nước sạch đạt: 81,92 tỷ đồng, trích nộp ngân sách là: 9,83 tỷ đồng ...

Chất lượng nước cung cấp đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 với các chỉ tiêu: doanh thu cao, chất lượng tốt và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người lao động.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Doanh thu và thu nhập khác	76.321	85.265,6	111,7
2	Lợi nhuận trước thuế	2.000	2.580,5	129
3	Nộp ngân sách NN	3.090	9.826,1	318

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Số cổ phiếu sở hữu
1	Ngô Trường Giang	Giám đốc	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	15.000
2	Đình Thế Kỳ	Phó Giám đốc	Kỹ sư xây dựng	14.100
3	Ngô Thị Vinh	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	3.800

b) Những thay đổi trong ban điều hành

Năm 2020, Công ty không có thay đổi trong ban điều hành.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 127 nhân viên (31.12.2019: 127 nhân viên).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Khoản đầu tư tài chính/Dự án	Tình hình thực hiện
1	Cải tạo trụ sở Công ty (Nhà điều hành) dự kiến thực hiện: 20 tỷ đồng (dự kiến thực hiện KH 2020 là 20 tỷ đồng)	Đang thực hiện bước hồ sơ ban đầu
2	Cải tạo nhà điều hành cũ Công ty (Xí nghiệp dịch vụ cấp nước) dự kiến thực hiện: 5 tỷ đồng (dự kiến thực hiện KH 2020 là 5 tỷ đồng)	Đã thực hiện dự kiến hoàn thành trong quý 2/2021
3	Xây dựng, cải tạo các tuyến ống thuộc khu vực Thành Phố Phúc Yên, dự kiến thực hiện: 15,25 tỷ (Dự kiến thực hiện KH 2020 là: 15,25 tỷ)	Đang thực hiện
4	Xây dựng, cải tạo các tuyến ống thuộc khu vực Huyện Bình Xuyên, dự kiến thực hiện: 17,952 tỷ (Dự kiến thực hiện KH 2020 là: 17,952 tỷ)	Thực cải được một số tuyến ống nhỏ chiếm 10%
5	Dự án HTCN sạch liên xã Tam Hợp - Sơn Lôi - H. Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, giá trị dự kiến thực hiện 36,9 tỷ đồng (dự kiến thực hiện KH 2020 là 7 tỷ đồng)	Đang thực hiện bước hồ sơ ban đầu
6	Dự án: Đầu tư hệ thống cấp nước xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (đợt 1) giá trị dự kiến thực hiện 3,389 tỷ (dự kiến KH 2020 là 3,389 tỷ đồng)	Đã thực hiện được 85%
7	Cải tạo khu xử lý trung tâm, bao gồm cả thay van điện D500 khu xử lý giá trị dự kiến thực hiện 8 tỷ đồng (dự kiến KH 2020 là 8 tỷ đồng)	Đang thực hiện, khối lượng ước đạt 20%

b) Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%)	Doanh thu 2020	Lợi nhuận 2020
Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc	Thôn Bá Hương, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20.000	27,24	17.290	1.730

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	200.490	196.975	-1,75%
Doanh thu thuần	79.517	85.265	7,23%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.805	3.011	7,32%
Lợi nhuận khác	-262	-430	-
Lợi nhuận trước thuế	2.543	2.580	1,46%
Lợi nhuận sau thuế	1.986	2.074	4,41%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,72	1,62
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,15	1,08
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	36,16%	33,97%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	56,65%	51,45%
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,40	0,43
-	Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn	1,91	2,31
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	4,14	4,93
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,50%	2,43%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):	0,99%	1,05%

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	1,68%	1,75%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	3,53%	3,53%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 10.963.000.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 10.963.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo loại hình sở hữu				
1	CĐ nhà nước	1	10.569.900	96,41%
2	CĐ là tổ chức	1	28.000	0,26%
3	CĐ là cá nhân	144	365.100	3,33%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	1	10.569.900	96,41%
2	CĐ khác	145	393.100	3,59%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	146	10.963.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng		146	10.963.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện đợt tăng vốn cổ phần nào.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2020, Công ty không tiến hành đợt mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

e) **Các chứng khoán khác:**

Trong năm 2020, Công ty không có chứng khoán nào khác đang lưu hành.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020 so với kế hoạch (%) tăng giảm	Thực hiện năm 2020 so với năm 2019 (%) tăng giảm
A	Thực hiện sản xuất sản phẩm, dịch vụ công ích						
1	Nước sạch	1000m ³	7.805	9.079	9.162	-0,1%	16,3%
B	Tài chính						
I	 Doanh thu	<i>Triệu VNĐ</i>	80.797,18	86.487,83	87.151	-0,08%	<u>7,23%</u>
1	Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	<i>Triệu VNĐ</i>	79.517,54	85.265,56	87.151	-2,2%	-4,53%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Triệu VNĐ</i>	608,54	581,00			-4,44%
3	Doanh thu khác	<i>Triệu VNĐ</i>	671,10	641,27			<u>7,22%</u>
II	 Chi phí	<i>Triệu VNĐ</i>	78.253,89	83.907,32	85.151	-1,5%	<u>7,08%</u>
1	Chi hoạt động SXKD và cung cấp dịch vụ	<i>Triệu VNĐ</i>	75.048,06	80.362,64	85.151		<u>8,83%</u>
2	Chi hoạt động tài chính	<i>Triệu VNĐ</i>	2.272,13	2.472,72			<u>14,81%</u>
3	Chi phí khác	<i>Triệu VNĐ</i>	933,70	1.071,96			<u>1,46%</u>
III	 Lợi nhuận	<i>Triệu VNĐ</i>	2.543,29	2.580,51	2.000	29%	<u>7,32%</u>
1	Lãi (lỗ) HĐ kinh doanh	<i>Triệu VNĐ</i>	2.805,89	3.011,20	2.000	50%	<u>13,71%</u>
2	Lãi (lỗ) HĐ tài chính	<i>Triệu VNĐ</i>	-1.663,59	-1.891,72			<u>64,01%</u>
3	Lãi (lỗ) HĐ khác	<i>Triệu VNĐ</i>	-262,60	-430,69			<u>26,57%</u>
IV	Nộp ngân sách (thực nộp)	<i>Triệu VNĐ</i>	7.280,73	9.215,33	3.420	69%	

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Biến động 2020 so với 2019 (%)
1	Tổng tài sản	200.490,93	196.975,28	-1,75%
2	Tài sản ngắn hạn	41.588,24	36.924,82	-11,21%
3	Tài sản dài hạn	158.902,69	160.050,46	0,72%
4	Phải thu ngắn hạn	10.823,03	8.157,45	-24,63%
5	Phải thu dài hạn	-	-	-
Hiệu quả sử dụng tài sản				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,99%	1,05%	6,06%
2	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	39,66%	43,29%	9,15%

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Biến động 2020 so với 2019 (%)
1	Nợ ngắn hạn	24.112,56	22.745,84	-5,67%
2	Nợ dài hạn	48.390,95	44.167,85	-8,73%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bổ nhiệm cán bộ quản lý các phòng ban, xí nghiệp trong công ty phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc;

Cử cán bộ quản lý và nhân viên tham gia các khóa đào tạo về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, các chương trình giao lưu học hỏi kinh nghiệm...

Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định và kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Danh mục các công trình đầu tư trong năm 2021

Stt	Danh mục công trình	Công suất thiết kế (mđ)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		
				Vốn ngân sách	Vốn doanh nghiệp	Nguồn khác
1	Di chuyển đường ống cấp nước phục vụ dự án Cải tạo chỉnh trang đô thị các tuyến phố tại thành phố Phúc Yên	11.178	4.719.051.000		4.719.051.000	
2	Mở rộng mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Phúc Yên:					
-	Tuyến ống cấp nước cho thôn Kim Tràng (nay thuộc TDP Kim Xuyên)	2.100	1.500.000.000		1.500.000.000	
3	Cải tạo mạng lưới cấp nước dịch vụ huyện Bình Xuyên:					
-	Hạng mục: Cải tạo tuyến ống cấp nước dịch vụ cho Khu Lò Càng	3.000	1.410.000.000		1.410.000.000	
-	Hạng mục: Cải tạo tuyến ống cấp nước dịch vụ cho Khu Lò Ngói	2.300	1.081.000.000		1.081.000.000	
4	Mở rộng mạng lưới cấp nước dịch vụ huyện Bình Xuyên:					
-	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước sạch cho TDP Thăng Lợi	2.370	1.373.809.000		1.373.809.000	
5	Tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho thị trấn Đạo Đức:					
-	Hạng mục: Tuyến ống truyền dẫn HDPE DN110 cấp nước cho Thôn Nhân Vực - TT. Đạo Đức	830	568.291.000		568.291.000	
6	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thị trấn Đạo Đức:					
-	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Nhân Vực - TT. Đạo Đức	3.810	1.650.000.000		1.650.000.000	
-	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Kếu - TT. Đạo Đức	2.153	932.401.575		932.401.575	
7	Dự án Cấp nước Bá Hiến - Bình Xuyên - Phúc Yên, Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước dọc ĐT.310B (đoạn từ cầu đường sắt vượt đường bộ đến Công ty Vinatop) công trình chuyển tiếp	1.266	5.510.171.600		5.510.171.600	
8	Tuyến ống cấp nước truyền dẫn cho xã Tam Hợp đợt 1	3.200	4.750.000.000		4.750.000.000	
9	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho xã Tam Hợp đợt 1	13.375	3.750.000.000		3.750.000.000	
10	Cải tạo cụm xử lý nhà máy nước trung tâm		700.000.000		700.000.000	
11	Khoan khai thác giếng DP9		2.500.000.000		2.500.000.000	
12	Cải tạo trụ sở Công ty (Nhà điều hành) (chi phí chuẩn bị đầu tư)		2.000.000.000		2.000.000.000	
	Tổng cộng (làm tròn)		32.445.000.000		32.445.000.000	

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 với các chỉ tiêu: doanh thu cao, chất lượng tốt và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Giữ mức tăng trưởng sản lượng của công ty tăng từ 5 đến 10%/năm, từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước
Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch	15.000	2.113.800
Ông Đinh Thế Kỳ	Thành viên	14.100	2.113.800
Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên	9.300	1.056.900
Bà Ngô Thị Vinh	Thành viên	3.800	1.056.900
Ông Nguyễn Hồng Phú	Thành viên	0	4.227.600

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị trong kỳ báo cáo.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo luật định;

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của ban điều hành để đảm bảo bộ máy hoạt động của công ty vận hành theo đúng mục tiêu và kế hoạch được Đại hội cổ đông thông qua. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đạt được kết quả cao so với kế hoạch đề ra.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị trong kỳ báo cáo.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Phạm Văn Tiến	Trưởng Ban KS	3.800	0	0,035%
Ông Đỗ Đức Thịnh	Thành viên	2.000	0	0,018%
Bà Đặng Thị Hương	Thành viên	2.000	0	0,018%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề liên quan;

Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

Ban Kiểm soát được HĐQT mời tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến vào việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Tiền lương, Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản lợi ích khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Quyết toán năm 2020
-------	----------	---------------------

I	Tổng thu nhập của HĐQT và BKS	1.210
II	Thù lao	180
1	HĐQT	132
2	Ban kiểm soát	48
	Tổng cộng	1.390

Công ty thực hiện chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, Tiền lương và các khoản khác thực hiện chi trả theo đúng quy định của Nhà nước, quy chế của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện đúng các quy định trong điều lệ công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được kiểm toán và ý kiến kiểm toán được đăng trên website: nuocsachvinhphuc.com.vn


Trên đây là báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UB CK nhà nước; Sứ GDCK HN;
- HĐQT, BGĐ, BKS Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

Giám đốc



Ngô Trường Giang